

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 1 – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA Địa chỉ: Số 15 Cửa Bắc, phường Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam, Mã số thuế: 0102743068-005 Số tài khoản: Điện thoại: 0989099674 Fax: Email: dauthau.ptcl@gmail.com Đại diện ủy quyền (nếu có):
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Trạm biến áp 500kV Thường Tín
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: <ul style="list-style-type: none">- Tài liệu kỹ thuật liên quan theo yêu cầu tại Chương V. Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT;- Các tài liệu khác có liên quan được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.- Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng:- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/04/2025 Về việc ban hành hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.- Quyết định 514 nêu trên đã được đăng tải trên mục Văn bản pháp quy của Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu Thầu của EVN tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/.- Đề nghị các nhà thầu truy cập đường dẫn tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/ để tìm hiểu các thông tin quy định của EVN trong quá trình hiện Hợp đồng

<p>E-ĐKC 4.1</p>	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: Công ty Truyền tải điện 1 – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. - Địa chỉ: Số 15 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Điện thoại: 02422100253 - Fax: 024 38293173 (máy fax đặt tại văn thư Công ty). - Địa chỉ email: dauthau.ptc1@gmail.com
<p>E-ĐKC 5.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu nộp chậm hơn thời gian nêu trên, Chủ đầu tư có quyền thông báo hủy hợp đồng và tịch thu bảo lãnh dự thầu. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. <p>Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp

	<p>đồng đối với mọi trường hợp.</p> <ul style="list-style-type: none">- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:<ul style="list-style-type: none">+ Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;+ Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;+ Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.- Trường hợp Dự án được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng, tuy nhiên Nhà cung cấp vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng thì Nhà cung cấp phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định.
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành các nghĩa vụ thực hiện bao gồm các nghĩa vụ đảm bảo được nêu trong hợp đồng.</p> <p>Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6, Điều 68 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.</p>

E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: __ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSMT].
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do hai bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh).</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Toà án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Toà án.</p> <p>Thời hạn để nhà thầu thực hiện quyền phản đối, khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư (nếu có) là 90 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được các quyết định đó. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu khi tham gia các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p> <p>Luật áp dụng: Luật Việt Nam.</p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây:</p> <p>Cung cấp hàng hóa, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hoá được giao tại công trình: Theo quy định tại E-HSMT - Bên B cung cấp cho bên A biểu tiến độ chi tiết đối với các mốc: trình, duyệt bản vẽ chế tạo, tài liệu, hồ sơ kỹ thuật, khối lượng giao hàng cho từng đợt. Các tiến độ trên được thống nhất giữa bên A và B và được cập nhật, báo cáo Bên A hàng tuần. - Khi hàng đến kho Bên A sẽ được kiểm tra bởi Bên A hoặc đại diện của Bên A. - Khiếu nại, nếu có sẽ được gửi bằng fax hoặc phát chuyển nhanh cho Bên B, được xác nhận bằng thư có đăng ký, kèm chứng từ trong thời hạn quy định tại Luật Thương mại hiện hành. - Trong trường hợp hàng hoá mua không đúng quy định hoặc có khác biệt, Bên B có trách nhiệm thay thế hàng hoá nói trên bằng

chi phí của mình theo giá hợp đồng + chi phí vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện dự án (bao gồm phí xếp dỡ xuống) + chi phí tháo dỡ VTTB hỏng + chi phí lắp đặt. Bên A sẽ hoàn trả hàng hoá không đúng quy định theo yêu cầu bằng chi phí của Bên B.

- Khi gửi hàng, Bên B sẽ gửi cho Bên A bằng fax hoặc phát chuyển nhanh đầy đủ chi tiết của chuyến hàng bao gồm số hợp đồng, mô tả hàng, số lượng, phương tiện vận chuyển, ngày giao hàng, tất cả các dữ kiện cần thiết khác.

- Bên B sẽ gửi fax hoặc phát chuyển nhanh các tài liệu sau cho Bên A:

+ Thông báo giao hàng trong đó xác nhận chi tiết chuyến hàng gửi: Số và ngày ký hợp đồng, số kiện hàng, trọng lượng, số lượng hàng và trị giá, tên và địa chỉ của Công ty vận chuyển, thời gian và địa điểm giao hàng.

+ Các bản sao hoá đơn của Bên B nêu mô tả hàng, số lượng, đơn giá, tổng giá trị (nếu có);

+ Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất thực hiện cho toàn bộ hàng hóa thuộc gói thầu hoặc từng đợt giao hàng (nếu có).

+ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) do phòng thương mại và công nghiệp quốc gia vùng lãnh thổ xuất xứ của hàng hóa (áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu) (nếu có).

+ Chứng nhận chất lượng và số lượng (CQ) do nhà sản xuất phát hành (nếu có).

+ Giấy chứng nhận bảo hành của nhà sản xuất/Bên Bán.

+ Các bản kê chi tiết hàng hóa đóng gói (nếu có).

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm (nếu có).

+ Hồ sơ hoàn công (nếu có).

- Các tài liệu nói trên sẽ được Bên A nhận tối thiểu là một tuần trước khi hàng đến kho Bên A, nếu không nhận được Bên A sẽ không nhận hàng, Bên B sẽ chịu các chi phí phát sinh.

- Bên A có quyền từ chối tiếp nhận hàng hoá nếu các tài liệu do bên B cung cấp không phù hợp với các quy định của hợp đồng mà không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào khác.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A bất kỳ sự thay đổi nào so với nội dung trong Hợp đồng và chỉ ra sự thay đổi đó để Bên A xem xét (kể cả trong quá trình phê duyệt tài liệu kỹ thuật).

Nhà thầu phải cử chuyên gia giám sát lắp đặt thiết bị của nhà sản xuất theo yêu cầu của chủ đầu tư (trong trường hợp có yêu cầu tại Chương V của E-HSMT) và phù hợp tiến độ của dự án. Đối với

	<p>những thiết bị cần thiết phải có mặt của chuyên gia nhà thầu giám sát quá trình lắp ráp, thí nghiệm, hiệu chỉnh và chạy thử thì nhà thầu phải đảm bảo cho các chuyên gia có mặt trên công trường để thực hiện nhiệm vụ, đồng thời phải đưa ra các khuyến nghị sửa chữa bằng văn bản tới Chủ đầu tư trong trường hợp nhà thầu lắp thực hiện không đúng yêu cầu đã được hướng dẫn. Trường hợp nếu chuyên gia không đưa ra các chỉ dẫn, khuyến cáo chủ đầu tư kịp thời thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng thiết bị đã lắp ráp.</p> <p>Nhà thầu phải cung cấp tài liệu hướng dẫn lắp đặt, thí nghiệm, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu của tất cả các thiết bị theo hợp đồng một cách đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dễ hiểu để cho các nhà thầu chuyên nghiệp về lắp đặt thiết bị có thể tiến hành công tác lắp đặt, thí nghiệm, chạy thử mà không phụ thuộc vào sự hướng dẫn của chuyên gia nhà máy chế tạo tại hiện trường.</p> <p>Tùy theo từng loại VTTB hàng hóa, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thống nhất bổ sung thêm các điều khoản (nếu cần thiết) trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng.</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”.</p>
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng:</p> <p>Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ các chứng từ sau: Hợp đồng giữa chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư với nhà thầu đã có hiệu lực pháp luật; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B và bảo lãnh tạm ứng theo Mẫu số 19 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Bên A ứng trước cho Bên B 10% giá trị hàng hóa không bao</p>

	<p>gồm VAT, theo hình thức chuyển khoản, Bên B chịu phí chuyển tiền.</p> <p>Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với số tiền tương đương số tiền tạm ứng, theo Mẫu số 19 Phần 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng. Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành đến thời gian sau ít nhất 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tiền tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>Thu hồi tiền tạm ứng: Tạm ứng được thu hồi theo từng lần thanh toán với tỷ lệ tương ứng và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng.</p>
E-ĐKC 14.2	Phương thức thanh toán:

	<p>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%. Bên B chịu phí chuyển tiền.</p> <p>• Phương thức thanh toán:</p> <p>Giá trị của hàng hóa và giá trị phần dịch vụ (nếu có) sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày bên B giao các hồ sơ chứng từ để thanh toán và giấy đề nghị thanh toán cho nhà thầu được duyệt của bên A. Các hồ sơ chứng từ thanh toán như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Văn bản của bên B đề nghị Bên A thanh toán. b. Hóa đơn GTGT c. Biên bản nghiệm thu và bàn giao hàng hóa giữa hai bên; d. Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ giữa hai bên (nếu có). e. 01 bản gốc và 05 bản sao Chứng nhận chất lượng và số lượng do nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp phát hành. f. 01 bản gốc và 05 bản sao hồ sơ thử nghiệm của nhà sản xuất; g. 01 bản gốc và 05 bản sao chứng chỉ xuất xứ (đối với hàng hóa có xuất xứ nước ngoài); h. 01 bản gốc và 02 bản sao bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng phát hành. i. Cam kết bảo hành của nhà sản xuất hoặc nhà cấp hàng (nếu có). j. Bản quyết toán gói thầu. k. Tờ khai hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc giấy xác nhận nộp thuế vào ngân sách nhà nước: Bản sao y bên bán hoặc bên nhập khẩu (nếu có). l. Biên bản thanh lý hợp đồng. <p><i>Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng thực tế.</i></p> <p><i>Các nội dung hồ sơ chứng từ khác nếu cần thiết sẽ được thống nhất trong quá trình hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.</i></p>
E-ĐKC 15.2	Quyền: Không quy định
E-ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng:

	<p>- Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hoá đúng yêu cầu để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyển tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu hụt các phương tiện chuyển tải chuyên dùng ở mọi điểm.</p> <p>- Tất cả các kiện hàng có trọng lượng từ 3 tấn trở lên hoặc kích cỡ từ 1m³ trở lên cần phải được đánh dấu trọng tâm của kiện hàng đó bằng ký hiệu “0” hoặc 2 chữ “TT”. Trên bề mặt của tất cả các kiện hàng sẽ được ghi rõ ràng các dòng chữ sau đây: Đóng gói hàng hóa: Ký hiệu và mã số sau đây được thực hiện bằng sơn không phai màu trên mỗi kiện hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hợp đồng: - Tên dự án: - Người gửi: - Người nhận: - Kích thước: - Thể tích (m³): - Khối lượng tịnh và toàn bộ:
<p>E-ĐKC 19</p>	<p>Nội dung bảo hiểm:</p> <p>Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng 110% giá trị hàng hóa từ "kho" tới "kho" trên cơ sở tất cả các rủi ro" ngoại trừ rủi ro chiến tranh hoặc đình công.</p> <p>Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Bên B có trách nhiệm yêu cầu, đôn đốc và phối hợp với tổ chức bảo hiểm để hoàn tất việc bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị hàng hóa được bảo hiểm trong thời gian 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.</p> <p>Tuân thủ Văn bản 2980/EVNNPT- QLĐT-TCKT-VT ngày 29/7/2016 của Tổng công ty Truyền tải Điện Quốc gia về “Quy định về bảo hiểm hàng hóa và sửa đổi bổ sung mẫu HSMT vận chuyển hàng hóa nội địa, HSMT/HSYC mua sắm MBA và kháng điện”.</p>
<p>E-ĐKC 20.1</p>	<p>Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Nhà thầu có trách nhiệm vận chuyển hàng hoá tới địa điểm giao hàng và hạ hàng xuống mặt bằng theo quy định của Chủ đầu tư (kho). Mọi chi phí do nhà thầu chi trả.</p>

	<p>Đối với hàng hóa siêu trường siêu trọng: Trước khi tiến hành vận chuyển, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho Chủ đầu tư: giấy phép vận chuyển hàng hóa siêu trường siêu trọng và Giấy chứng nhận bảo hiểm.</p> <p>- Các yêu cầu khác:</p> <p>+ Mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hoá (kể cả chi phí bốc dỡ hàng hoá lên phương tiện vận chuyển và hạ hàng xuống mặt bằng tại điểm đến cuối cùng), chi phí bảo hiểm (nếu có) đều do Nhà thầu thanh toán và tính vào trong giá hợp đồng.</p> <p>+ Nhà thầu phải phối hợp với đơn vị quản lý dự án; tư vấn giám sát; nhà thầu xây lắp đảm bảo dự án không bị trở ngại trong bất cứ giai đoạn thi công nào.</p> <p>+ Các yêu cầu khác về dịch vụ kỹ thuật (nếu có) được quy định trong Phụ lục “Yêu cầu về mặt kỹ thuật” đính kèm.</p> <p><i>Tùy theo từng loại VTTB hàng hóa, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thống nhất bổ sung thêm các điều khoản (nếu cần thiết) trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng.</i></p>
E-ĐKC 20.2	<p>Các dịch vụ bao gồm: Theo Mẫu số 01D và Chương V E-HSMT (nếu có).</p>
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>a. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa trước khi giao hàng: trên cơ sở phù hợp với yêu cầu về mặt kỹ thuật (trong trường hợp có yêu cầu tại Chương V của E-HSMT).</p> <p>- Tất cả hàng hóa phải được thử nghiệm để khẳng định tính đáp ứng các đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu về mặt kỹ thuật;</p> <p>- Trong vòng 30 ngày trước khi thử nghiệm, nhà thầu sẽ gửi cho chủ đầu tư danh sách các thử nghiệm sẽ được nhà thầu hoặc nhà thầu phụ của họ tiến hành.</p> <p>- Không muộn hơn 15 ngày trước khi tiến hành các thử nghiệm/kiểm tra mà đã được Bên A xác nhận là cần có sự chứng kiến của Bên A, Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A về ngày, giờ, địa điểm và nội dung các thử nghiệm/kiểm tra đó.</p> <p>- Các đại diện hợp pháp của Bên A, có thể đến xưởng chế tạo của bên B, bất kỳ lúc nào trong giờ làm việc để giám định hàng hoá được cung cấp theo hợp đồng và chứng kiến thử nghiệm. Mọi công việc giám định và chứng kiến được thực hiện mà không làm ảnh hưởng đến công việc Bên B. Bên B cần thông báo và cập chính xác số liệu thông tin khi các đại diện Bên A yêu cầu.</p>

- Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, chứng kiến thử nghiệm bao gồm chi phí đi lại, ăn ở sẽ do Bên B chịu.

- Bên B phải thông báo cho Bên A tiến độ công việc ít nhất 07 ngày trước lịch thử nghiệm. Năm (05) bản sao chứng chỉ về số lượng thử nghiệm tại nơi chế tạo theo hợp đồng được gửi cho bên A. Việc chấp nhận hàng hóa hoặc khước từ giám định, chứng kiến thử nghiệm của Bên A đều không thể giải phóng Bên B trách nhiệm cấp hàng theo yêu cầu của hợp đồng.

Yêu cầu về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa phải phù hợp với chủng loại hàng hóa, lưu ý các yêu cầu dưới đây:

- Đơn vị thí nghiệm để kiểm tra hàng hóa khi giao - nhận (nếu gói thầu có quy định) là đơn vị độc lập, có đủ năng lực và kinh nghiệm. Không ấn định trước tên của đơn vị thí nghiệm kiểm tra hàng hóa khi giao - nhận trong HSMT nếu chi phí thí nghiệm thuộc trách nhiệm nhà thầu.

- Trường hợp hàng hoá nhận được không phù hợp với những quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và/hoặc nhà thầu sẽ có trách nhiệm cung cấp miễn phí hàng hoá khác cùng với các thủ tục cần thiết để thay thế những hàng hoá không phù hợp đó, trong vòng ... ngày (Chủ đầu tư điền ngày phù hợp với yêu cầu từng loại VTTB và gói thầu) sau khi nhận được khiếu nại của chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả lại số hàng hoá không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của nhà thầu.

- Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp hàng hóa thay thế theo quy định nêu trên thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.

- Việc chủ đầu tư tham gia chứng kiến thử nghiệm tại nhà máy sản xuất (nếu có) sẽ không miễn trừ các nghĩa vụ và trách nhiệm mà nhà thầu phải thực hiện theo quy định tại hợp đồng.

b. Kiểm tra trước khi chấp nhận hàng hoá:

- Số lượng và tình trạng của hàng hóa sẽ được kiểm tra tại kho Bên Mua bởi đại diện của Bên bán, Bên mua và đơn vị giám định độc lập (nếu có). Biên bản giám định sẽ được lập và ký bởi các bên và là cơ sở để Bên Mua khiếu nại Bên bán nếu hàng hóa có sai khác. Chi phí giám định do Bên Bán chịu.

- Trong trường hợp có sự khác biệt về số lượng và chất lượng của hàng hoá so với quy định trong Hợp đồng, bằng chi phí của mình Nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp lại số hàng hóa thay thế

	<p>không phù hợp đó, cấp tại kho công trình và chịu toàn bộ các chi phí liên quan (chi phí vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện dự án (bao gồm phí xếp dỡ xuống) + chi phí tháo dỡ VTTB hỏng + chi phí lắp đặt, thí nghiệm lại (nếu có)) trong vòng 21 ngày sau khi nhận được khiếu nại của Bên A. Bên A sẽ hoàn trả lại hàng hóa không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của Nhà thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí liên quan đến sai khác về số lượng và chất lượng hàng hoá bao gồm vận chuyển bốc dỡ tại địa điểm giao nhận do Bên B chịu trách nhiệm - Bên A sẽ có quyền tham dự các cuộc kiểm định nêu trên (nếu có) bằng chi phí của mình. - Bên B chịu trách nhiệm về chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị do mình cung cấp, chế tạo, sản xuất. Việc nghiệm thu của Bên A không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu cung cấp vật tư về chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị do mình cung cấp, chế tạo, sản xuất, thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành trừ các trường hợp mà các sai sót không phải do lỗi của Bên B hoặc do nguyên nhân khách quan hay bất khả kháng. <p><i>Tùy theo từng loại VTTB hàng hóa, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thống nhất bổ sung thêm các điều khoản (nếu cần thiết) trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng.</i></p>
<p>E-ĐKC 21.2</p>	<p>Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Theo yêu cầu quy định tại chương V E-HSMT (nếu có)</p>
<p>E-ĐKC 22</p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: “Áp dụng”.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu Bên B giao hàng chậm trễ so với thời gian quy định của hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt với mức 0,2% giá trị hàng hóa giao chậm trên mỗi ngày chậm (Nếu hàng giao chậm là phụ kiện của thiết bị thì giá trị tính phạt là giá trị của thiết bị). + Nếu Bên B chậm trễ việc xử lý tồn tại hàng hóa quá 10 ngày so với ngày Bên A thông báo xử lý tồn tại làm ảnh hưởng đến tiến độ công trình thì Bên B phải chịu phạt với mức 2% giá trị của hàng hóa có tồn tại cần phải xử lý do lỗi của Bên B cho mỗi tuần chậm trễ. <p>- Mức phạt tối đa do vi phạm hợp đồng là 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p>

	<p>2. Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”.</p> <p>+ Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, Nhà thầu còn phải bồi thường các thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) trong trường hợp do chậm trễ cung cấp vật tư thiết bị, do các sai sót, do hành vi vi phạm hợp đồng của Nhà thầu dẫn đến thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) về người và tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng, bảo hành vật tư thiết bị. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p> <p>+ Ngoài mức phạt/bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy định của EVN khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá. • Quy định của EVN về việc áp dụng kết quả đánh giá. • Đánh giá chất lượng VTTB trong giai đoạn vận hành: các VTTB sau khi được mua sắm, lắp đặt trên lưới sẽ tiếp tục được đánh giá chất lượng theo quy định của EVN trong quá trình vận hành, bao gồm cả giai đoạn bảo hành và sau bảo hành. <p>- Yêu cầu về phạt do Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng: Không áp dụng.</p>
<p>E-ĐKC 23.3</p>	<p>Thời hạn bảo hành là:</p> <p>Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành hàng hoá như sau:</p> <p>+ Bên Bán có trách nhiệm bảo hành hàng hoá trong vòng 24 tháng kể từ ngày đóng điện nghiệm thu công trình hoặc 36 tháng kể từ ngày giao hàng cuối cùng tùy thời hạn nào đến trước.</p> <p>+ Đối với các vật tư thiết bị do Bên Bán sửa chữa hoặc thay thế trong thời gian bảo hành thì thời hạn bảo hành cho các thiết bị này là 24 tháng kể từ ngày kết thúc việc sửa chữa hoặc thay thế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo lãnh bảo hành: 3% giá hợp đồng. - Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày hàng hóa/dịch vụ được nghiệm thu và được Bên A chấp nhận để đảm

	<p>bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành có giá trị bằng 3 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ phát hành đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. - Hai bên thống nhất sử dụng mẫu Phiếu bảo hành Vật tư thiết bị (VTTB) do EVNNPT ban hành tại Văn bản số 1237/EVNNPT-PC ngày 10/04/2018 - Trong thời hạn bảo hành, Nhà thầu phải có trách nhiệm kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị định kỳ theo quy định. Trong trường hợp thiết bị bị hỏng hóc, sự cố không do lỗi vận hành, Nhà thầu phải có trách nhiệm khắc phục sửa chữa, cung cấp và thay thế trong thời gian sớm nhất. - Ngoài thời hạn bảo hành, nếu thiết bị bị hỏng hóc, sự cố, Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp cùng với Chủ đầu tư cũng như đơn vị quản lý vận hành kiểm tra, khắc phục sửa chữa ngay khi có yêu cầu của Chủ đầu tư trong thời gian sớm nhất. - Nhà thầu/nhà sản xuất phải có trách nhiệm giải quyết, xử lý các khiếm khuyết và hỏng hóc của thiết bị do lỗi của nhà sản xuất sau khi hết bảo hành. Nếu nhà thầu/nhà sản xuất không kịp thời khắc phục, sửa chữa khiếm khuyết hay hỏng hóc của thiết bị bên mua có quyền tạm dừng mua chủng loại thiết bị đó. <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: tương ứng với phạm vi cung cấp. [Tùy theo từng loại VTTB hàng hóa, Chủ đầu tư sẽ bổ sung thêm các điều khoản (nếu cần thiết)]</p>
<p>E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6</p>	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: <ul style="list-style-type: none"> + Khi kiểm tra, nghiệm thu cũng như trong quá trình lắp đặt vận hành, nếu hàng hoá không phù hợp về mặt kỹ thuật hoặc chất lượng không đảm bảo thì Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản để Bên B có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời, nhưng không

muộn hơn 15 ngày kể từ khi Bên B nhận được thông báo của Bên A.

+ Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời hạn bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B, Chủ đầu tư phải thông báo ngay cho Nhà thầu bằng văn bản. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân đề Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.

Thời gian thực hiện:

+ Đối với hàng hóa được xác định có thể xử lý tại công trường: Nhà thầu phải tiến hành thay thế hoặc sửa chữa trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày Bên A đề nghị xử lý tồn tại bằng văn bản;

+ Đối với hàng hóa được xác định không thể xử lý tại công trường: Nhà thầu phải tiến hành thay thế hoặc sửa chữa trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A đề nghị xử lý tồn tại bằng văn bản;

Sau khi đã nhận được thông báo của Chủ đầu tư, nếu Nhà thầu cố tình trì hoãn hoặc không sửa chữa và/hoặc thay thế những hàng hoá có khuyết tật trong thời gian quy định nêu trên, Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện hoặc có thể tiến hành việc sửa chữa đó (nếu được), Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này, với rủi ro và chi phí của Nhà thầu mà không có ảnh hưởng đến bất cứ nghĩa vụ hay quyền lợi của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu. Nếu không Bên A sẽ đơn phương tịch thu bảo lãnh bảo hành hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo hành mà không cần đưa ra bất cứ lý do gì. Khi đó Bên A sẽ có thư cảnh cáo/phê bình Bên B và có quyền tạm dừng mua chủng loại vật tư, thiết bị đó.

Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hoá thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận;

Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh

	<p>bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p> <p>Khi kết thúc bảo hành, Bên B lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành gửi Bên A. Bên A có trách nhiệm xác nhận hoàn thành bảo hành cung cấp vật tư thiết bị. Bên A mời Đơn vị quản lý vận hành tham gia xác nhận hoàn thành bảo hành cung cấp VTTB.</p> <p>Trong trường hợp Bên A hoặc đơn vị quản lý vận hành chưa chấp nhận Bên B hoàn thành việc bảo hành công trình thì Bên A phải làm việc với Bên B để thống nhất các nội dung, thời gian khắc phục các tồn tại đó. Đồng thời gia hạn thời gian bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại nêu trên. Sau khi các tồn tại được giải quyết, Bên B sẽ thực hiện lại thủ tục yêu cầu xác nhận hoàn thành việc bảo hành. Đồng thời Bên A thực hiện các thủ tục giải tỏa bảo lãnh bảo hành cho Bên B.</p> <p>Đánh giá chất lượng VTTB trong giai đoạn vận hành: Công khai trong HSMT để nhà thầu tham dự thầu biết các VTTB sau khi được mua sắm, lắp đặt trên lưới sẽ tiếp tục được đánh giá chất lượng theo quy định của EVN trong quá trình vận hành, bao gồm cả giai đoạn bảo hành và sau bảo hành.</p>
<p>E-ĐKC 27.7 (d)</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.</p>